

Số: 115 /QĐ-SKHCN

Ninh Bình, ngày 10 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước
03 tháng năm 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 03 tháng năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình (*chi tiết theo biểu mẫu số 75 đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Vũ Trọng Quế

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**(03 THÁNG NĂM 2026)***Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Số TT | Nội dung | Dự toán năm | Ước thực hiện 3 tháng năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%) |
|------------|--|-------------|--------------------------------|-------------------------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| A | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | 571,000,000 | 830,093,400 | 145% | - |
| I | Số thu phí, lệ phí | 571,000,000 | 830,093,400 | 145% | - |
| 1 | Lệ phí | 26,000,000 | 104,070,000 | 400% | - |
| | Lệ phí An toàn bức xạ | 6,000,000 | 1,600,000 | 27% | - |
| | Lệ phí Sử dụng Tần số vô tuyến điện | 20,000,000 | 102,470,000 | 512% | - |
| 2 | Phí | 545,000,000 | 726,023,400 | 133% | - |
| | Phí thẩm định An toàn bức xạ | 450,000,000 | 188,140,000 | 42% | - |
| | Phí thẩm định điều kiện về KHCN | 45,000,000 | - | 0% | - |
| | Phí sử dụng tần số Vô tuyến điện | 50,000,000 | 537,883,400 | 1076% | - |
| II | Chi từ nguồn thu phí được để lại | - | - | - | - |
| 1 | Chi sự nghiệp.... | - | - | - | - |
| a | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | - | - | - | - |
| b | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | - | - | - | - |
| 2 | Chi quản lý hành chính | - | - | - | - |
| a | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | - | - | - | - |
| b | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | - | - | - | - |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước | 571,000,000 | 601,824,200 | 105% | - |
| 1 | Lệ phí | 26,000,000 | 69,820,000 | 269% | - |

| | | | | | |
|----------|--|-----------------|----------------|------|---|
| | Lệ phí An toàn bức xạ | 26,000,000 | 69,820,000 | 269% | - |
| 2 | Phí | 545,000,000 | 532,004,200 | 98% | - |
| | Phí thẩm định An toàn bức xạ | 450,000,000 | 176,415,000 | 39% | |
| | Phí thẩm định điều kiện về KHCN | 45,000,000 | - | 0% | |
| | Phí sử dụng tần số Vô tuyến điện | 50,000,000 | 355,589,200 | 711% | - |
| B | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 156,829,000,000 | 15,827,926,411 | 10% | - |
| I | Nguồn ngân sách trong nước | 156,829,000,000 | 15,827,926,411 | 10% | - |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 30,803,000,000 | 5,580,676,611 | 18% | - |
| 1.1 | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ | 25,983,000,000 | 5,546,381,411 | 21% | - |
| 1.2 | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ | 4,820,000,000 | 34,295,200 | 1% | - |
| 2 | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số | 126,026,000,000 | 10,247,249,800 | 8% | - |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | 80,000,000,000 | 6,375,000,000 | 8% | - |
| - | <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i> | - | - | | |
| - | <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i> | 80,000,000,000 | 6,375,000,000 | 8% | |
| 2.2 | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ | 13,619,000,000 | 3,620,232,000 | 27% | |
| 2.3 | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ | 32,407,000,000 | 252,017,800 | 1% | - |
| - | <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i> | 24,464,000,000 | 113,017,800 | 0% | - |
| - | <i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i> | 7,943,000,000 | 139,000,000 | 2% | - |